TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2026
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

*Các Hội thẩm nhân dân**:*** 1. Ông Nguyễn Ngọc Tâm

2. Ông Trần Gia Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Duy Long- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tiểu khu M, xã P, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ

Hiện nay đang ở Nhật Bản

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/9/2012 tại UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không chỉn chu lo cho gia đình, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2019 đến nay, anh T1 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản còn chị ở Việt Nam. Hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Trần Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung Trần Vũ Minh T2, sinh ngày 06/3/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu T2 ở cùng với chị. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình : Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T1 : Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 thông qua bà Trần Thị H là chị gải của anh T1, tuy nhiên đến nay anh T1 chưa có bất kỳ quan điểm gì gửi cho Tòa án.

Đồng thời Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ :

- Toà án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 16/12/2025 *chị Trần Thị H là chị gái anh T1 đại diên gia đình cung cấp:* Anh T1 và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hiện nay anh T1 đang đi lao động tại nước ngoài nhưng địa chỉ cụ thể ở đâu gia đình không biết. Anh T1 vẫn liên hệ bằng điện thoại với gia đình. Về việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T1 đã biết, quan điểm của anh đồng ý ly hôn. Chị nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết sẽ thông báo lại cho anh T1.

Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung là Trần Vũ Minh T2,sinh ngày 06/3/2014. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T.

Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của Pháp luật.

** Tại Văn bản số 968/QLXNC-Đ1 ngày 23/12/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh P* cung cấp: Theo thông tin quản lý xuất nhập cảnh, anh Trần Văn T1 xuất cảnh gần nhất ngày 25/8/2024 qua cửa khẩu N, không có thông tin nhập cảnh.

** Tại văn bản số 69/CAP-CSKV ngày 18/12/2025 của Công an phương P* cung cấp: Anh Trần Văn T1, sinh ngày 05/11/1988, HKTT tại tổ A, khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ hiện vắng mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 , tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T; xử chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- Về con chung**:** Giao cháu Trần Vũ Minh T2, sinh ngày 06/3/2014 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên; anh Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ, công sức đóng góp gia đình **:** Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn T1. Bị đơn là anh Trần Văn T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu T, phường P, tỉnh Phú Thọ. Tại Văn bản số 968 ngày 23/12/2025 của Phòng Q công an tỉnh P thể hiện anh T1 đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T1 không đến Tòa án làm việc vì vậy Thẩm phán chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp xác định: Chị Vũ Thị T có đăng ký kết hôn với anh Trần Văn T1 vào ngày 11/9/2012 tại UBND xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không chỉn chu lo cho gia đình, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2019 đến nay, anh T1 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản còn chị ở Việt Nam. Hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn T1 có 01 con chung là cháu Trần Vũ Minh T2,sinh ngày 06/3/2014. Hiện cháu đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T1 vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Chị T có thu nhập ổn định, có chỗ ở rõ ràng đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con; thực tế từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2. Mặt khác, bản thân cháu T2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng, đồng thời anh T1 cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh. Vì vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là có căn cứ và phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Vũ Thị T trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T1 vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1

2. Về con chung: Giao con chung là cháu là Trần Vũ Minh T2, sinh ngày 06/3/2014 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Vũ Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005555 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự tại Việt Nam vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phú xuyên,TP Hà Nội.
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Hà